

CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI ANNOUNCEMENT AFTER EXCHANGE TRADING

Kính gửi/Dear : - Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ Ho Chi Minh Stock Exchange
- Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư/Authorized Participants and Investors

Công ty QLQ DCVFM thông báo những thông tin sau khi kết thúc phiên giao dịch hoán đổi như sau:
VFM would like to announce the information after exchange trading:

- Tên quỹ: Quỹ ETF DCVFMVN MIDCAP/ Fund name: DCVFMVN MIDCAP ETF
- Mã ccq/Code: FUEDCMID
- Ngày giao dịch hoán đổi/ Exchange Date: 28-05-2025
- Đơn vị tính: 1 lô ETF = 100 000 chứng chỉ quỹ ETF/ Unit: 1 Creation Unit = 100 000 ETF shares
- DMCKCC đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ Basket of component securities and cash component:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	Securities Symbol	Volume	Weighting
1.	Chứng khoán/ Stock	1,192,410,000	99.00%
1	BMP	100	1.18%
2	BSI	100	0.39%
3	BWE	100	0.43%
4	CII	1,000	1.32%
5	CMG	200	0.57%
6	CTD	100	0.69%
7	CTR	100	0.79%
8	DBC	500	1.18%
9	DCM	300	0.86%
10	DGC	500	3.81%
11	DGW	300	0.84%
12	DIG	1,000	1.43%
13	DPM	400	1.13%
14	DSE	300	0.58%
15	DXG	1,600	2.36%
16	EIB	3,300	6.04%
17	EVF	1,600	1.41%
18	FRT	200	2.79%
19	FTS	400	1.22%
20	GEX	1,500	4.48%
21	GMD	800	3.95%
22	HAG	1,000	1.14%
23	HCM	800	1.72%
24	HDC	300	0.61%
25	HDG	400	0.89%
26	HHV	800	0.84%
27	HSG	1,100	1.50%
28	KBC	1,100	2.49%
29	KDC	300	1.37%
30	KDH	1,300	3.24%
31	MSB	4,900	4.76%
32	NAB	2,500	3.61%
33	NKG	800	0.87%
34	NLG	600	1.84%
35	NT2	200	0.30%
36	OCB	3,100	2.81%
37	PAN	300	0.67%
38	PC1	600	1.15%
39	PDR	900	1.32%
40	PHR	100	0.41%
41	PNJ	600	4.00%
42	POW	1,200	1.35%
43	PTB	100	0.45%
44	PVD	600	0.94%
45	PVT	400	0.75%
46	REE	300	1.81%
47	SBT	1,000	1.50%
48	SCS	100	0.52%
49	SIP	200	1.15%
50	SJS	200	1.52%
51	SZC	200	0.59%
52	TCH	800	1.32%
53	VCG	700	1.30%

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	Securities Symbol	Volume	Weighting
54	VCI	900	2.76%
55	VGC	100	0.38%
56	VHC	200	0.97%
57	VIX	2,900	3.27%
58	VND	2,400	3.23%
59	VPI	300	1.29%
60	VTP	100	0.92%
II.	Tiền/ Cash (VND)	12,047,304	1.00%
III.	Tổng / Total (=I+II)	1,204,457,304	100%

- Chênh lệch giữa DMCKCC và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/Spread between a basket and 1 lot of ETF in value

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/basket value: (VND)	1,192,410,000
+ Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/Value per lot of ETF: (VND)	1,204,457,304
+ Giá trị chênh lệch/Spread in value: (VND)	12,047,304

- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/Plan to reduce the spread:

+ Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/With creation order:	Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/Transfer cash component
+ Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/With redemption order:	Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại Receive cash component after subtracting tax and redemption fee

Các trường hợp CKCC được thay bằng tiền/In case, stock can be replaced by cash

Mã chứng khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu (VND)	Đối tượng áp dụng	Lý do
Securities symbol	Cash amount is replaced for 1 share (VND)	Applied investors	State the reason
OCB	11,990	AP/Nhà đầu tư nước ngoài AP/Foreign Investor	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa The stock reaches foreign ownership limit
PNJ	88,330	AP/Nhà đầu tư nước ngoài AP/Foreign Investor	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa The stock reaches foreign ownership limit
REE	80,080	AP/Nhà đầu tư nước ngoài AP/Foreign Investor	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa The stock reaches foreign ownership limit
HCM	28,545	HSC	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/Treasury stock not yet registered for trading
PAN	29,645	SSI	Hạn chế giao dịch theo quy định điều 33 TT96/2020/TT-BTC/ Restriction of trading by Circular 196/2020/TT-BTC
VCI	40,700	VCSC	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/Treasury stock not yet registered for trading

Các chỉ tiêu khác/Other criteria

Chỉ tiêu/Criteria	Kỳ này/This period (*) 28-05-2025	Kỳ trước/Last period (**) 27-05-2025	Chênh lệch/ Changes
1. Số lô đã phát hành thêm/ Creation Units were issued	0	0	0
2. Số lô đã mua lại/ Creation Units were redeemed	0	0	0
3. Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/Issued Shares	28,100,000	28,100,000	0
4. Giá đóng cửa (VND/ccq)/ Close Price	11,750	11,510	240
5. Giá trị tài sản ròng/Net Asset Value:			
của quỹ ETF/of the Fund	338.452.502,584	334.471.254,931	3.981,247,653
của một lô ETF/per Creation Unit	1,204.457,304	1.186.068,279	18,389,025
của một chứng chỉ quỹ/per Share	12,044.57	11,860.68	183.89
6. Chỉ số tham chiếu/Benchmark Index	1,925.02	1,935.80	-10.78

(*) Chỉ tiêu 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 27/05/2025 /(*) The criteria #5 is represented by NAV as at 27/05/2025

(**) Chỉ tiêu 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 26/05/2025/(**) The criteria #5 is represented by NAV as at 26/05/2025

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ DCVFM/Fund Management Company DCVFM



LÊ HOÀNG ANH

Quyền Giám đốc Nghiệp vụ Hỗ trợ đầu tư

Ngày ký: 29/05/2025